



Kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ của cha mẹ bệnh nhi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Nam Định năm 2025

Hoàng Thị Vân Lan¹

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức và xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ của cha mẹ bệnh nhi điều trị nội trú tại Bệnh Viện Nhi Nam Định năm 2025. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 216 cha mẹ có con đang điều trị tại Bệnh viện Nhi Nam Định từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2025. Dữ liệu được thu thập qua phỏng vấn bằng bảng hỏi cấu trúc, phân tích bằng SPSS 20.0. **Kết quả:** 53,2% cha mẹ có kiến thức đạt về sử dụng kháng sinh; điểm trung bình $12,6 \pm 3,0$ (tối đa 20 điểm). Kiến thức đúng cao nhất về việc tuân thủ đủ liều kháng sinh (89,8%), thấp nhất về biện pháp rửa tay phòng ngừa kháng kháng sinh (49,5%). Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức của cha mẹ với nhóm tuổi (OR: 3,659; 95% CI: 2,1-6,4), nghề nghiệp (OR: 4,625; 95% CI: 1,8-11,8), trình độ học vấn (OR: 11,420; 95% CI: 5,5-23,6) và thu nhập (OR: 29,867; 95% CI: 11,3-79,1) với $p < 0,05$. **Kết luận:** Kiến thức sử dụng kháng sinh cho trẻ của cha mẹ bệnh nhi điều trị nội trú chưa tốt, cần tăng cường truyền thông – giáo dục sức khỏe, đặc biệt với cha mẹ trẻ tuổi, thu nhập thấp và lao động phổ thông.

Từ khoá: Kiến thức, kháng sinh, cha mẹ

Knowledge about antibiotic use for children among parents of pediatric inpatients at Nam Dinh Children's hospital in 2025

Hoang Thi Van Lan¹

¹Nam Dinh University of Nursing

ABSTRACT

Objectives: To describe the current status of knowledge and identify several factors related to knowledge about antibiotic use for children among parents of pediatric inpatients at Nam Dinh Children's Hospital in 2025. **Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 216 parents whose children were hospitalized at Nam Dinh Children's Hospital from April to June 2025. Data were collected through structured interviews using questionnaires and analyzed using SPSS 20.0 software. **Results:** 53.2% of parents had adequate knowledge about antibiotic use; the mean knowledge score was 12.6 ± 3.0 (maximum score: 20). The highest correct knowledge was related to completing the full course of antibiotics (89.8%), while the lowest was about handwashing as a measure to prevent antibiotic resistance (49.5%). There were statistically significant associations between parents' knowledge and age group (OR = 3.659; 95% CI: 2.1–6.4), occupation (OR = 4.625; 95% CI: 1.8–11.8), educational level (OR = 11.420; 95% CI: 5.5–23.6), and income (OR = 29.867; 95% CI: 11.3–79.1) ($p < 0.05$). **Conclusion:** Knowledge about antibiotic use for children among parents of pediatric inpatients was not adequate. Health education and communication programs should be strengthened, especially for young parents, low-income families, and manual labor workers.

Keywords: Knowledge, antibiotics, parents.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Kháng sinh (Antibiotics) là những chất kháng khuẩn (antibacterial substances) được tạo ra bởi các chủng vi sinh vật (vi khuẩn, nấm, Actinomycete) có tác dụng ức chế sự phát triển của các vi sinh vật khác¹. Thuốc kháng sinh có công dụng rất rộng rãi, trong đó được ứng dụng nhiều nhất là trên y học lâm sàng dùng để ngăn ngừa và điều trị các hình thức nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây nên¹. Từ khi kháng sinh được phát hiện và ứng dụng, nó đã trở thành loại thuốc đóng vai trò rất quan trọng trong y tế và chăm sóc sức khỏe. Việc sử dụng kháng sinh cho trẻ hiện nay rất phổ biến, tuy nhiên trẻ cũng đối mặt với nguy cơ kháng kháng sinh do lạm dụng hoặc sử dụng kháng sinh không đúng cách. Việc lạm dụng kháng sinh có thể liên quan đến kiến thức của cha mẹ chưa tốt. Một số nghiên cứu về kiến thức sử dụng kháng sinh của cha mẹ cho thấy kiến thức của cha mẹ về lĩnh vực này thực sự chưa cao: Các quốc gia Mỹ, Châu Á và Châu Âu cho thấy từ 22% đến 70% bố mẹ có quan niệm sai về vai trò của kháng sinh và sử dụng kháng sinh thế nào là phù hợp cho trẻ². Nghiên cứu tại Nam Ấn Độ trên bà mẹ có con dưới 5 tuổi cho thấy chỉ 49,6% bà mẹ đánh giá có kiến thức đạt, nhưng tới 70% bà mẹ lạm dụng thuốc kháng sinh ở trẻ³. Tại Việt Nam: Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ái⁴ trên bà mẹ có trẻ dưới 5 tuổi cho thấy tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đạt về sử dụng thuốc kháng sinh chỉ chiếm 68,5%.

Tại bệnh viện Nhi Nam Định mỗi ngày có hơn 200 bệnh nhi đến khám và điều trị. Vậy kiến thức của cha mẹ về vấn đề sử dụng kháng sinh như thế nào? Có những yếu tố nào ảnh hưởng đến kiến thức sử dụng kháng sinh của cha mẹ? Để trả lời cho 2 câu hỏi này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Thực

trạng kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ của cha mẹ bệnh nhi điều trị nội trú tại Bệnh Viện Nhi Nam Định năm 2025” với mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức và xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ của cha mẹ bệnh nhi điều trị nội trú tại Bệnh Viện Nhi Nam Định năm 2025.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

Cha hoặc mẹ của trẻ đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Nam Định

Tiêu chuẩn lựa chọn: Là người thực hiện sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ tại nhà.

Đồng ý tham gia nghiên cứu.

Có khả năng trả lời câu hỏi.

Tiêu chuẩn loại trừ: Cha mẹ có trẻ trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Nhi Nam Định từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2025.

Thiết kế nghiên cứu:

Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng công thức:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

n: cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu.

p: tỷ lệ có cha mẹ có kiến thức đạt về sử dụng thuốc kháng sinh, theo nghiên cứu của Trần Bá Kiên⁵ thì tỉ lệ này là 52%, do đó: $p = 0,52$.

d: Độ chính xác mong muốn, trong nghiên cứu này chúng tôi lấy $d = 0,07$.

Z: Là độ tin cậy của xác suất với $\alpha = 0,05$ thì $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$.

Thay vào công thức trên ta tính được $n = 196$.

Để tránh mất số liệu, nghiên cứu lấy thêm 10% cỡ mẫu, cỡ mẫu nghiên cứu là 216 cha mẹ.

Phương pháp chọn mẫu:

Chọn mẫu thuận tiện. Chúng tôi lựa chọn những cha mẹ đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn. Những cha mẹ đủ tiêu chuẩn được mời tham gia lần lượt cho đến khi đạt được cỡ mẫu mong muốn là 216 người.

Bộ công cụ:

Bộ công cụ sử dụng trong nghiên cứu được thiết kế dựa trên đề tài nghiên cứu của tác giả Trần Bá Kiên⁵ năm 2022: “Kiến thức, thái độ, thực hành sử dụng kháng sinh cho trẻ của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi”. Bộ công cụ bao gồm 2 phần:

Phần 1: Thông tin chung gồm tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, thu nhập.

Phần 2: Kiến thức về sử dụng kháng sinh cho trẻ của đối tượng nghiên cứu (10 câu).

Tiêu chí đánh giá:

Đối tượng nghiên cứu tham gia trả lời phỏng vấn với mỗi ý trả lời đúng được 1 điểm, trả lời không đúng hoặc không biết là 0 điểm. Sau đó tính tổng điểm kiến thức cha mẹ. Lấy điểm giới hạn là 70% để phân loại kiến thức của đối tượng nghiên cứu. Đánh giá phân loại kiến thức được phân loại dựa theo nghiên cứu của Trần Bá Kiên⁵. Tổng

số điểm là 20 điểm, đối tượng nghiên cứu có điểm kiến thức $\geq 70\%$ (≥ 14 điểm) tổng số điểm thì được xếp vào loại kiến thức đạt và ngược lại $< 70\%$ (< 14 điểm) thì được xếp vào loại kiến thức chưa đạt.

Phương pháp thu thập số liệu:

Phỏng vấn trực tiếp cha mẹ vào thời điểm sau khi làm thủ thuật xong cho trẻ, tại phòng bệnh của các khoa lâm sàng.

Phân tích và xử lý số liệu:

Số liệu sau khi được làm sạch, nhập và phân tích trên phần mềm SPSS 20.0 các số liệu được trình bày dưới dạng bảng, biểu đồ thích hợp.

Tính các giá trị phần trăm, sử dụng các test thống kê cho các kiểm định thích hợp.

Đạo đức nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành sau khi thông qua Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề tài KH & CN theo Quyết định số 731/QĐ-ĐDN ngày 18/3/2025 của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Người tham gia nghiên cứu sẽ được giải thích cụ thể về mục đích, nội dung của nghiên cứu, tự nguyện đồng ý tham gia. Mọi thông tin của đối tượng đều được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Sai số và biện pháp khắc phục:

Đối tượng nghiên cứu có thể không hiểu rõ nội dung câu hỏi. Khắc phục: Nghiên cứu viên giải thích từng câu hỏi rõ ràng.

Sai số trong quá trình thu thập và nhập liệu số liệu. Khắc phục: Tập huấn kỹ phương pháp điều tra cho nghiên cứu viên và sau khi phỏng vấn, nghiên cứu viên rà soát đảm bảo mọi thông tin không bị bỏ sót.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm tuổi, nghề nghiệp và thu nhập của đối tượng nghiên cứu (n = 216)

	Đặc điểm	n	%
Tuổi	≤ 35	103	47,7
	> 35	113	52,3
Nghề nghiệp	Cán bộ	32	14,8
	Buôn bán/nội trợ	39	18,1
	Nghỉ hưu	2	0,9
	Công nhân	112	51,9
	Nông dân	31	14,4
Thu nhập	≤ 10 triệu	141	65,3
	> 10 triệu	75	34,7
Trình độ học vấn	Trung học cơ sở	37	17,1
	Trung học phổ thông	101	46,8
	Trung cấp/ cao đẳng/ đại học	59	27,3
	Sau đại học	19	8,8

Bảng 1 cho biết: Cha mẹ có tuổi từ 35 trở lên chiếm tỉ lệ cao hơn (52,3%) so với cha mẹ có độ tuổi ≤ 35 tuổi (47,7%). Nghề nghiệp chiếm phần lớn là công nhân (51,9%). Bên cạnh đó, cha mẹ phần lớn có thu nhập ≤ 10 triệu chiếm tỷ lệ là 65,3%. Cha mẹ có trình độ học vấn THPT chiếm tỉ lệ cao nhất (46,8%).

Bảng 2. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về thuốc kháng sinh (n = 216)

Kiến thức	Đúng		Sai		
	n	%	n	%	
Khái niệm của thuốc kháng sinh	167	77,3	49	22,7	
Tác dụng của kháng sinh	Diệt vi khuẩn gây bệnh	119	55,1	97	44,9
	Kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn	142	65,7	74	34,3
Không nên tự ý dùng kháng sinh khi trẻ bị cảm lạnh hoặc cúm	126	58,3	90	41,7	
Nên sử dụng kháng sinh cho trẻ khi	Khi trẻ được bác sĩ kê đơn sau khi chẩn đoán nhiễm khuẩn	177	81,9	39	18,1
	Khi có dấu hiệu nhiễm khuẩn rõ ràng và được chỉ định y tế	109	50,5	107	49,5

Kết quả bảng 2 cho thấy: đối tượng có kiến thức đạt về khái niệm kháng sinh là 77,3%; biết được kháng sinh có tác dụng diệt vi khuẩn gây bệnh là 55,1% và kháng sinh có tác dụng kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn là 65,7%. Kiến thức đúng của cha mẹ khi trẻ được bác sĩ kê đơn sau khi chẩn đoán nhiễm khuẩn là 81,9%; tuy nhiên kiến thức đúng khi có dấu hiệu nhiễm khuẩn rõ ràng và được chỉ định y tế chỉ chiếm 50,5%.

Bảng 3. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về cách dùng và tác hại của lạm dụng kháng sinh (n = 216)

Kiến thức	Đúng		Sai		
	n	%	n	%	
Trẻ cần uống kháng sinh đủ liều ngay cả khi đã hết triệu chứng	194	89,8	22	10,2	
Nếu quên một liều kháng sinh cần tham khảo ý kiến của bác sĩ/dược sĩ	138	63,9	78	36,1	
Lạm dụng kháng sinh có thể dẫn đến hậu quả	Làm mất cân bằng hệ vi sinh đường ruột	123	56,9	93	43,1
	Làm vi khuẩn kháng thuốc khó điều trị	135	62,5	81	37,5
	Gây tác dụng phụ như tiêu chảy dị ứng	126	58,3	90	41,7

Bảng 3 cho kết quả: Cha mẹ có kiến thức đúng về việc trẻ cần uống kháng sinh đủ liều ngay cả khi hết triệu chứng chiếm 89,8%. Song kiến thức đúng của cha mẹ về hậu quả của lạm dụng kháng sinh chỉ dao động trong khoảng 56,9% đến 62,5%.

Bảng 4. Kiến thức về kháng kháng sinh của đối tượng nghiên cứu (n = 216)

Kiến thức	Đúng		Sai		
	n	%	n	%	
Khái niệm kháng kháng sinh	Là khi vi khuẩn trở nên không nhạy cảm với kháng sinh, làm giảm hiệu quả điều trị	148	68,5	68	31,5
	Là hiện tượng khi cơ thể của người bệnh bị kháng lại thuốc	123	56,9	93	43,1
Nguyên nhân chính của kháng kháng sinh	Dùng kháng sinh không đúng cách như là quá liều	141	65,3	75	34,7
	Ngừng thuốc kháng sinh sớm vì thấy đỡ bệnh	123	56,9	93	43,1
	Không tuân thủ thời gian điều trị	122	56,5	94	43,5

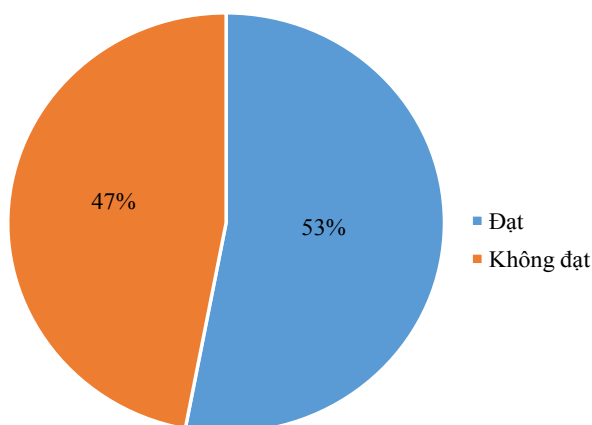
Kiến thức	Đúng		Sai	
	n	%	n	%
Cách ngăn ngừa kháng kháng sinh ở trẻ				
Dùng kháng sinh đúng liều và đúng thời gian theo chỉ định của bác sĩ	169	78,2	47	21,8
Tiêm phòng đầy đủ để giảm nguy cơ nhiễm khuẩn	124	57,4	92	42,6
Tăng cường miễn dịch bằng chế độ ăn uống lành mạnh	110	50,9	106	49,1
Rửa tay sạch sẽ và giữ gìn vệ sinh cá nhân	107	49,5	109	50,5

Bảng 4 cho thấy cha mẹ có kiến thức đúng về khái niệm kháng kháng sinh là 68,5%. Kiến thức về nguyên nhân dẫn đến kháng kháng sinh dao động từ 34,7% đến 43,5%. Kiến thức đúng về các biện pháp ngăn ngừa kháng kháng sinh ở trẻ đạt tỉ lệ cao nhất là dùng đúng liều và đúng thời gian chỉ định của bác sĩ chiếm 78,2%; thấp nhất là rửa tay sạch sẽ (49,5%).

Bảng 5. Điểm kiến thức chung của đối tượng nghiên cứu (n = 216)

Giá trị	Điểm
Thấp nhất (min)	5
Cao nhất (max)	20
Trung bình	12,6157 ± 3,02479

Cha mẹ có kiến thức chung cao nhất đạt 20 điểm, thấp nhất là 5 điểm trên tổng số tối đa là 20 điểm; trung bình kiến thức là 12,6157 ± 3,02479.



Biểu đồ 1. Phân loại mức độ kiến thức của đối tượng nghiên cứu (n=216)

Biểu đồ 1 cho thấy tỉ lệ cha mẹ có kiến thức đạt chiếm 53% bên cạnh 47% cha mẹ có kiến thức chưa đạt.

Bảng 6. Mối liên quan giữa kiến thức của đối tượng nghiên cứu với tuổi, nghề nghiệp và điều kiện kinh tế (n = 216)

Đặc điểm		Kiến Thức		p	OR (95%CI)
		Đạt n (%)	Không đạt n (%)		
Nhóm tuổi	≤ 35 tuổi	38 (36,9%)	65 (63,1%)	0,000	3,6 (2,1-6,4)
	> 35 tuổi	77 (68,1%)	36 (31,9%)		
Nghề nghiệp	Công chức, viên chức	26 (81,2%)	6 (18,8%)	0,000	4,6 (1,8-11,8)
	Khác	89 (48,4%)	95 (51,6%)		
Trình độ học vấn	> THPT	67 (85,9%)	11 (14,1%)	0,000	11,420 (5,5-23,6)
	≤ THPT	48 (34,8%)	90 (65,2%)		
Thu nhập	> 10 triệu	70 (93,3%)	5 (6,7%)	0,000	29,8 (11,3-79,1)
	≤ 10 triệu	45 (31,9%)	96 (68,1%)		

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, nghề nghiệp và điều kiện kinh tế với kiến thức của đối tượng nghiên cứu có ý nghĩa thống kê. Theo đó, cha mẹ có tuổi >35, nghề nghiệp là công chức, viên chức; thu nhập > 10 triệu có kiến thức đạt cao hơn so với các đối tượng khác.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ trên 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao hơn (52,3%), nghề nghiệp chủ yếu là công nhân (51,9%) và đa số có thu nhập ≤ 10 triệu đồng/tháng (65,3%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phạm Thị Mỹ Dung và cộng sự ⁶, khi nhóm đối tượng có thu nhập trung bình và nghề nghiệp lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao. Điều này phản ánh đặc điểm kinh tế xã hội của địa bàn nghiên cứu và có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thông tin y tế và kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh.

Kiến thức về thuốc kháng sinh của đối tượng nghiên cứu (n = 216): Kết quả nghiên cứu cho thấy 77,3% cha mẹ hiểu đúng khái niệm kháng sinh, tuy nhiên chỉ 55,1% biết kháng sinh có tác dụng diệt vi khuẩn

và 58,3% biết không nên tự ý dùng kháng sinh khi trẻ bị cảm cúm. Điều này cho thấy mặc dù cha mẹ đã có nhận thức nhất định về kháng sinh nhưng vẫn còn nhầm lẫn về chỉ định sử dụng thuốc. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Nghĩa ⁷ và Nguyễn Thu Hoài ⁸, khi kiến thức đúng về sử dụng kháng sinh ở người dân vẫn chưa cao. Điều này cho thấy việc sử dụng kháng sinh trong cộng đồng vẫn còn nhiều hạn chế và nguy cơ lạm dụng thuốc còn tồn tại.

Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về cách dùng và tác hại của lạm dụng kháng sinh: Trong nghiên cứu này, đa số cha mẹ biết cần cho trẻ uống kháng sinh đủ liều ngay cả khi hết triệu chứng (89,8%), tuy nhiên kiến thức về hậu quả của lạm dụng kháng sinh như mất cân bằng hệ vi sinh, vi khuẩn kháng thuốc và tác dụng phụ chỉ

dao động từ 56,9% đến 62,5%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Bhatnagar³, khi nhiều cha mẹ vẫn còn lạm dụng kháng sinh mặc dù biết cần tuân thủ liều điều trị. Điều này cho thấy nhận thức về hậu quả lâu dài của lạm dụng kháng sinh trong cộng đồng vẫn còn hạn chế và cần tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 68,5% cha mẹ hiểu đúng khái niệm kháng kháng sinh, tuy nhiên vẫn còn nhiều cha mẹ nhầm lẫn giữa kháng thuốc của vi khuẩn và cơ thể kháng thuốc. Kiến thức về nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa kháng kháng sinh còn chưa cao, đặc biệt biện pháp rửa tay và vệ sinh cá nhân chỉ có 49,5% trả lời đúng. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Zyoud¹⁰, khi kiến thức về kháng kháng sinh và biện pháp phòng ngừa trong cộng đồng còn hạn chế. Điều này cho thấy cần tăng cường giáo dục sức khỏe về phòng ngừa kháng kháng sinh, không chỉ tập trung vào việc sử dụng thuốc mà còn vào các biện pháp phòng bệnh.

Điểm kiến thức trung bình của cha mẹ là $12,6 \pm 3,0$ trên tổng số 20 điểm, với 53,2% cha mẹ có kiến thức đạt. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Trần Bá Kiên⁵ nhưng vẫn cho thấy kiến thức của cha mẹ chỉ ở mức trung bình. Điều này cho thấy kiến thức về sử dụng kháng sinh của cha mẹ đã được cải thiện nhưng vẫn chưa cao, cần tăng cường các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe tại bệnh viện và cộng đồng.

Nghiên cứu cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức của cha mẹ với tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn và thu nhập ($p < 0,05$). Cha mẹ có tuổi cao hơn, trình độ học vấn cao hơn và thu nhập cao hơn có kiến thức tốt hơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Zyoud¹⁰ và các nghiên cứu trong nước⁶, cho thấy yếu tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng lớn đến khả

năng tiếp cận thông tin và kiến thức y tế. Do đó, các chương trình giáo dục sức khỏe cần tập trung nhiều hơn vào nhóm cha mẹ trẻ tuổi, thu nhập thấp và trình độ học vấn thấp.

KẾT LUẬN

Thực trạng kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ của cha mẹ bệnh nhi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Nam Định chưa cao, tỷ lệ cha mẹ có kiến thức đạt chỉ chiếm 53,2% và điểm trung bình là $12,6 \pm 3,0$ (tối đa 20 điểm). Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa độ tuổi, nghề nghiệp, thu nhập với kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh của cha mẹ ($p < 0,05$).

Cần tăng cường công tác truyền thông cho cha mẹ bệnh nhi về sử dụng kháng sinh, chú trọng đến đối tượng là công nhân, nông dân, nội trợ, có độ tuổi dưới 35 tuổi, cha mẹ có thu nhập chưa cao và cha mẹ có trình độ học vấn từ THPT trở xuống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn sử dụng kháng sinh trong bệnh viện. Quyết định số 5631/QĐ-BYT ngày 31/12/2020. Hà Nội: Bộ Y tế; 2020.
2. World Health Organization. Antimicrobial resistance: global report on surveillance. Geneva: World Health Organization; 2014. Available from: <https://iris.who.int/handle/10665/112642>
3. Shreya Agarwal, Vijay N Yewale, Dhanya Dharmapalan. Antibiotics use and misuse in children: A knowledge, attitude and practice survey of parents in India. J Clin Diagn Res. 2015 Nov 1;9(11):SC21-SC24. doi: 10.7860/JCDR/2015/14933.6819
4. Nguyễn Thị Ái, Nguyễn Hà My, Phan Thu Nga, và cs. Thực trạng kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ em dưới 5 tuổi của người chăm sóc chính tại hai xã

huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình năm 2020. Tạp chí Y học Cộng đồng. Tập 62 Số 3 (2021) [https://doi.org/10.52163/yhc.v62i3%20\(2021\).34](https://doi.org/10.52163/yhc.v62i3%20(2021).34)

5. Trần Bá Kiên, Lê Nguyễn Diệu Hằng. Kiến thức, thái độ, thực hành sử dụng kháng sinh cho trẻ em của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi năm 2022. Tạp chí Dược học Cần Thơ. 2024;(74):145–151. DOI: 10.58490/ctump.2024i74.2526

6. Phạm Thị Mỹ Dung, Phạm Văn Tân, Hà Diệu Linh, Đỗ Thị Thu Hiền. Kiến thức và thái độ sử dụng thuốc kháng sinh của người dân phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y học Việt Nam. Tập 527 Số 1 (2023). <https://doi.org/10.51298/vmj.v527i1.5677>

7. Nguyễn Ngọc Nghĩa, Bùi Thị Xuân. Khảo sát kiến thức và thực hành sử dụng thuốc kháng sinh của người dân từ 30 tuổi trở lên tại xã Văn Phú, thành phố Yên Bái năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam. Tập 531 Số 2 (2023). <https://doi.org/10.51298/vmj.v531i2.7190>

8. Nguyễn Thu Hoài, Nguyễn Thị Tố Uyên. Kiến thức, thái độ, thực hành sử dụng kháng sinh cho trẻ dưới 72 tháng tuổi của các bà mẹ/người chăm sóc trẻ chính tại một số xã thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên năm 2023. TNU Journal of Science and Technology. 2024;229(09):183–189. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10176>

9. Mijović B, Acimović J, Milić M, et al. Knowledge, attitudes and practices of parents and pediatricians regarding antibiotic use among children: Differences in relation to the level of education of the parents in the Republic of Srpska Bosnia and Herzegovina. Antibiotics. 2022;11(10):1325. <https://doi.org/10.3390/antibiotics11101325>

10. Zyoud SH, Al-Jabi SW, Sweileh WM, et al. Parental knowledge, attitudes and practices regarding antibiotic use for acute upper respiratory tract infections in children: A cross-sectional study in Palestine. BMC Pediatrics. 2015;15:176. <https://doi.org/10.1186/s12887-015-0494-5>